

Bản án số: **258/2023/HC-PT**

Ngày 17/8/2023

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2022/HC-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2654/2023/QĐPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

1.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà T: Ông Huỳnh Ngọc Á, sinh năm 1975 (theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C chứng thực ngày 23/4/2022); địa chỉ: Số I đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3016/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện S). Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ban Q đất huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng T1 – Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Q (theo Văn bản ủy quyền số 1227/BQL ngày 28/12/2022 của Ban Q đất huyện S). Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc H: Ông Huỳnh Ngọc Á, sinh năm 1975 (theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C chứng thực ngày 19/7/2022); địa chỉ: Số I đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

3.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:**

Nguyên thừa đất số 224, tờ bản đồ 21 xã T, diện tích 2.572,6m² (Theo bản đồ đo vẽ năm 2018 là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 20), tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện S có nguồn gốc của cụ Nguyễn B và cụ Lê Thị Đ1 (là ông bà nội của ông Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T), được ông bà lưu hạ sử dụng làm nhà ở từ những năm kháng chiến chống Pháp. Khoảng năm 1960, hai cụ Nguyễn B và Lê Thị Đ1 vào tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương) sinh sống, cụ B hoạt động cách mạng tại đây. Năm 1971, cụ B bị chính quyền cũ phát hiện nên trở về quê làm lại nhà ở trên thửa đất này. Năm 1977, cụ Đ1 được chỉ ruột cho một phần đất sát đường Quốc lộ 1A, diện tích khoảng 200m² (cách nhà ở của cụ B, Đ1 khoảng 800m) để cụ Đ1 và ông Nguyễn P (cha của Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T) kinh doanh ăn uống, bán hàng tạp hóa. Riêng cụ B vẫn ở tại vườn cũ để trồng trọt chăn nuôi, thờ cúng ông bà cố và 01 người con nuôi đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (liệt sĩ Nguyễn G). Hiện nay trên đất vẫn còn 01 giếng nước (giếng đào) và một số cây lâu năm như: dừa, xoài, tre. Thực hiện chính sách quản lý đất đai của Nhà nước, năm 1986 cụ Nguyễn Bích kê k, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất (quyển số 02, trang số 74) thuộc thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 06 xã T, diện tích 1.840m², loại đất thổ cư (T). Năm 1994, cụ B bị tai biến nặng phải nằm một chỗ nên ông Nguyễn P đưa về nhà ở sát Quốc lộ A để tiện chăm sóc. Từ đó, căn nhà trên thửa đất số 224 của cụ B không còn người ở, chỉ sử dụng để

nông cụ và ông Nguyễn P, bà Bạch Thị M1 trực tiếp quản lý, canh tác sau đó trồng bạch đàn, keo như hiện nay. Năm 1997 cụ B chết; cũng trong thời gian này, nhà ở của cụ B xuống cấp trầm trọng và do tác động của mưa bão nên căn nhà đã bị sụp đổ hoàn toàn (hiện nay chỉ còn nền nhà trên đất). Do cụ B chết, cụ Đ1 già yếu nên ngày 18/12/1998 ông Nguyễn P (là con duy nhất của cụ B, Đ1) được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: N 032290, sổ vào sổ cấp GCN: 01191 QSDĐ/1077-QĐ-UB, thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.325m², loại đất vườn). Năm 2009, ông Nguyễn P chết, năm 2012 cụ Lê Thị Đ1 chết, đến năm 2018 bà Bạch Thị M1 chết.

Tháng 10/2021, ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T biết được Thông báo số 794/TB-BQL đề ngày 15/10/2021 của Ban Q quỹ đất huyện S về thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu thể thao xã T. Qua nội dung thông báo này, ông M, bà T biết được ngày 02/6/2020, UBND huyện S ban hành Quyết định số 926/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.325m² của ông H, bà D, ông M, bà T. Đến ngày 31/12/2020, UBND huyện S ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình số tiền 494.710.000 đồng. Sau khi biết được thông tin về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ; ông M, bà T có hỏi anh trai Nguyễn Ngọc H thì anh H cho biết: Khi UBND huyện S thông báo thu hồi đất và ban hành quyết định thu hồi đất thì anh có biết nhưng không ý kiến gì vì nghĩ sẽ được bồi thường thỏa đáng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến khi UBND huyện S ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thì anh H mới phát hiện bồi thường không đúng loại đất đã được cụ B kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và không được cấp đất tái định cư nên anh H không đồng ý và không nhận tiền bồi thường; đến khi nhận được Thông báo số 2025/TB-UBND ngày 14/10/2021 thì anh H mới biết được thửa đất bị thu hồi còn lại 188,8m² và không có lối đi vào phần đất này. Về thời điểm nhận hoặc biết được quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường thì anh H không nhớ và cũng chưa có đơn khiếu nại đến cơ quan nào.

Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện S đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ 21 xã T của gia đình ông M là không hợp lý, không phù hợp với quy định của pháp luật bởi các lý do:

Thửa đất số 224, tờ bản đồ 21 xã T có nguồn gốc của cụ B, Đ1 sử dụng làm nhà ở từ những năm kháng chiến chống Pháp. Hiện nay trên đất vẫn còn 01 giếng nước (giếng đào) và một số cây lâu năm như: dừa, xoài, tre, lê. Thực hiện chính sách quản lý đất đai của Nhà nước, cụ B kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất (quyển số 02, trang số 74), thuộc thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 06 xã T, diện tích 1.840m², loại đất thổ cư (T). Tại Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/04/2014 của Chính phủ quy định: Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai: *“Các giấy tờ khác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai có tên người sử dụng đất, bao gồm: Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980”*.

Tại điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/04/2014 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này nhưng diện tích đất ở chưa được xác định theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai, Khoản 3 Điều này và chưa được xác định lại theo quy định tại Điểm b và Đ2 c Khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai và Khoản 3 Điều này; hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất, được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đã được xác định lại là đất ở*”. Như vậy, theo các quy định của pháp luật được viện dẫn trên thì việc cụ Nguyễn Bích kê k theo Chỉ thị 299/TTg và có tên trong Sổ mục kê ruộng đất nên thuộc trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/04/2014 của Chính phủ thì khi UBND huyện S thu hồi thửa đất số 224 của gia đình 4 anh em phải được bồi thường là đất ở và cấp đất tái định cư cho gia đình mới đúng quy định của pháp luật. Thế nhưng, UBND huyện S lại ban hành quyết định thu hồi và bồi thường loại đất HNK là thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Chưa kể, tại Quyết định thu hồi đất là loại đất HNK nhưng tại Thông báo số 2025/TB-UBND ngày 14/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện S lại thể hiện: Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 20 đo đạc 2018 có diện tích 2.572,6m², loại đất CLN là mâu thuẫn về loại đất bị thu hồi.

Tại Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND huyện S thể hiện: Thu hồi 2.383,8m² đất của gia đình tại thửa 224, tờ bản đồ số 21 (Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 20 đo đạc 2018), loại đất HNK; trong khi thửa đất số 486, tờ bản đồ số 20 đo đạc 2018 có diện tích là 2.572,6m². Tuy nhiên, UBND huyện S lại thu hồi diện tích 2.383,8m² thuộc phần lớn diện tích đất nằm về phía tây (phần tiếp giáp với đường đi vào vườn ỏ); phần đất còn lại 188,8m² nằm về phía đông bị bao bọc bởi các bất động sản khác và hoàn toàn không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng, chưa kể phần đất còn lại này chiều rộng chưa đầy 03m. Với diện tích còn lại như trên không thể sử dụng được vào bất kỳ mục đích nào. Lẽ ra trong trường hợp này, UBND huyện S phải thu hồi hết thửa đất của gia đình hoặc thu hồi diện tích ít hơn để đảm bảo cho gia đình sử dụng được phần đất còn lại và có lối đi vào thửa đất. Ngoài ra, hiện nay trên thửa đất số 224 của gia đình vẫn còn 01 giếng nước (giếng đào), nhưng khi kiểm kê bồi thường, UBND huyện S không đưa vào để bồi thường là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của 4 anh em.

Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi là của cụ Nguyễn Bích l hạ cho cha mẹ. Nay cha mẹ đã chết nên các anh em gồm Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Ngọc M là những người thừa kế theo quy định của pháp luật. Thế nhưng khi thu hồi đất, UBND huyện S chỉ thông báo cho anh Nguyễn Ngọc H biết và làm người đại diện; trong khi 3 người còn lại không có

bất kỳ văn bản nào ủy quyền đề anh H đại diện. Vụ việc mãi đến khi Ban Q đất huyện S có Thông báo số 794/TB-BQL ngày 15/10/2021 về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì mới biết được.

Hiện nay 4 anh em đều đã lập gia đình riêng, nhà ở của gia đình tiếp giáp với Quốc lộ A và qua nhiều lần giải phóng mặt bằng thì diện tích còn lại nằm ngoài hành lang giao thông đường bộ cho phép xây dựng chưa đầy 30m² nên 4 anh em rất khó khăn về chỗ ở. Trong khi gia đình đang thờ cúng liệt sĩ Nguyễn G là bác của 4 anh em và liệt sĩ Lê Thị Thế là chị gái của cụ Đ1. Nay UBND huyện S thu hồi đất ở nhưng lại không bồi thường đất tái định cư để 4 anh em có chỗ ở ổn định cũng như có nơi thờ cúng liệt sĩ đã có công trong sự nghiệp giải phóng đất nước là không hợp tình, hợp lý, trái pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của 4 anh em. Từ những lý do trên, ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Khu T.

- Hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai); thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T, kèm theo Phiếu áp giá chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T.

*** Tại các Văn bản số 745/UBND-NC ngày 29/4/2022, số 1616/UBND-NC ngày 06/9/2022, số 1898/UBND-NC ngày 17/10/2022, số 2107/UBND-NC ngày 15/11/2022 của UBND huyện S và tại phiên tòa, ông Phạm Đ trình bày:**

Hộ ông Nguyễn P đang sử dụng thửa đất số 224, diện tích 2.325m², loại đất vườn (V), tờ bản đồ địa chính số 21, xã T bị ảnh hưởng dự án: Khu T. Thửa đất này được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn P năm 1998.

Theo hồ sơ, bản đồ giải thửa thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập ngày 15/12/1986 được UBND huyện S phê duyệt ngày 30/4/1986 tại quyển số 01, trang số 74, thửa đất số 1135, diện tích 1.840m², tờ bản đồ giải thửa số 06, loại đất ở (T) do ông Nguyễn Bích kê k, đứng tên. Thửa đất này không đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất do xã T lập.

Theo hồ sơ địa chính thực hiện Nghị định 64-CP của Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập tại trang số 146, thửa đất số 1135, tờ bản đồ giải thửa số 06, xã T biến động thành thửa đất số 224, diện tích 2.325m², loại đất vườn (V), tờ bản đồ địa chính số 21, xã T do ông Nguyễn P đứng tên. Ngày 06/7/1998, hộ ông Nguyễn P có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với 15 thửa đất, trong đó có thửa đất số 224, diện tích 2.325m², loại đất V, tờ bản đồ địa chính số 21, xã T được UBND xã T cân đối theo Nghị định 64-CP và đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 224, diện tích 2.325m², loại đất V, tờ bản đồ địa chính số 21, xã T, số vào sổ 01191/QSĐĐ/1077-QĐ-UB ngày 18/12/1998.

Việc UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn P là theo đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp. Từ khi cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đến trước khi thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án Khu thể thao xã T, gia đình ông Nguyễn P không khiếu nại, thắc mắc gì về loại đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ loại đất được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện S ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai), trong đó loại đất được xác định để bồi thường, hỗ trợ là loại đất nông nghiệp đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21, xã T là đúng quy định pháp luật. Việc hộ ông Nguyễn P yêu cầu bồi thường đất ở và yêu cầu bố trí tái định cư là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đối với một số tài sản trên đất còn thiếu sót trong quá trình kiểm kê đã được ghi nhận tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh ngày 29/8/2022 gồm: 01 cây lê, 01 cây xoài, 03 cây bạch đàn, UBND huyện S sẽ lập phương án bồi thường bổ sung sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với việc đề nghị UBND huyện ban hành quyết định bồi thường bổ sung: Ngày 07/11/2022, Ban Q quỹ đất huyện S phối hợp với UBND xã T tổ chức mời các đồng thừa kế của hộ ông Nguyễn P (chết) gồm: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T đến tại hiện trường thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21 xã T để tiến hành kiểm kê bổ sung tài sản trên đất còn thiếu sót trong quá trình kiểm kê để làm cơ sở cho việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Tuy nhiên, cả 04 thành viên đại diện cho hộ ông Nguyễn P nêu trên đều không có mặt tại hiện trường để tham gia kiểm kê và không có lý do nên UBND huyện S chưa có cơ sở để lập phương án bồi thường bổ sung theo đề nghị của Tòa án nhân dân tỉnh.

*** *Tại Văn bản số 100/UBND ngày 28/4/2022 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T trình bày:***

Về văn bản ý kiến xác nhận nguồn gốc đất, loại đất, diện tích cho ông Nguyễn Ngọc H khi UBND huyện S thu hồi đất để xây dựng công trình: Khu thể thao xã T tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21 xã T, loại đất HNK.

Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ thực hiện Chỉ thị 299/TTg: Theo bản đồ là thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.840m², loại đất T; đứng tên trong Sổ mục kê ruộng đất là Nguyễn B (là cha ông Nguyễn P), tuy nhiên không có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất.

Theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ: Là thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.325m², loại đất vườn và được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01191 QSDĐ/1077-QĐ-UB ngày 18/12/1998 cho hộ ông Nguyễn P.

Loại đất: Theo Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 06/7/1998 của ông Nguyễn P thì loại đất đăng ký: Vườn, mục đích sử dụng: Sản xuất nông nghiệp. Mục đích sử dụng ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01191QSDĐ/1077-QĐ-UB ngày 18/12/1998 của UBND huyện S: Vườn.

Về xác nhận cho ông Nguyễn Ngọc H: Theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế lập ngày 26/6/2019 thì bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc M đồng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 224, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.325m², loại đất vườn và

được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01191/QSDĐ/1077-QĐ-UB ngày 18/12/1998 và thống nhất ông Nguyễn Ngọc H - người đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đồng thời, trong quá trình kiểm kê để lập phương án bồi thường, ông Nguyễn Ngọc H đều tham gia và ký vào biên bản. Việc UBND huyện S thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn P (chết, con trai Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai) là đảm bảo quy định của pháp luật.

*** *Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng T1 – Phó Giám đốc Ban Q đất huyện S trình bày:***

Ban Q đất huyện S thống nhất với ý kiến của UBND huyện S; việc UBND huyện S thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn P (chết, con trai Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai) tại Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 và Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T.

*** *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T và không bổ sung gì thêm.***

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2022/HC-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 11, các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 74, 75, 77 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T:

- Hủy một phần Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai); thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T, cụ thể: hủy phần bồi thường về cây cối, hoa màu số tiền 75.085.000 đồng kèm theo Phiếu áp giá chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T đối với hộ ông Nguyễn P tại mục B phần cây cối, hoa màu.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện S ban hành quyết định hành chính mới thay thế một phần quyết định hành chính đã bị hủy.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Khu T.

- Hủy một phần Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai); thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T, về phần bồi thường, hỗ trợ về đất số tiền 400.478.400 đồng và các khoản hỗ trợ số tiền 19.146.600 đồng kèm theo Phiếu áp giá chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T đối với hộ ông Nguyễn P tại mục A phần đất đai và mục C các khoản hỗ trợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Ủy ban nhân dân huyện S phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông M, bà T đã tạm ứng chi nên Ủy ban nhân dân huyện S phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10/01/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D; nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc đất: Nguyên thửa đất có diện tích 2.325m², số thửa 224, tờ bản đồ 21 xã T (Theo bản đồ đo vẽ năm 2018 là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 20, xã T, diện tích 2.572,6m²), có nguồn gốc của cụ Nguyễn B và cụ Lê Thị Đ1 (cha mẹ của ông Nguyễn P và là ông bà nội của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Ngọc T) để lại.

[1.2]. Quá trình kê khai, đăng ký sử dụng và xác định loại đất thu hồi:

- Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ (tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập ngày 15/12/1986 được UBND huyện S phê duyệt ngày 30/4/1986 tại quyển số 01, trang số 74, thuộc thửa đất số 1135, diện tích 1.840m², tờ bản đồ số 06, loại đất T) do cụ Nguyễn Bích kê k đứng tên, nhưng thửa đất này cụ Nguyễn B không đăng ký trong Sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) do xã T lập.

- Khi thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, hộ ông Nguyễn P có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với 15 thửa đất; trong đó có thửa đất số 224, diện tích 2.325m², loại đất V, tờ bản đồ địa chính số 21; UBND xã T đã lập phương án cân đối theo Nghị định 64-CP và được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 224, diện tích 2.325m², loại đất V, tờ bản đồ địa chính số 21, xã T, số vào sổ 01191/QSĐĐ/1077-QĐ-UB ngày 18/12/1998.

- Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật đất đai năm 2013 quy định: “ *Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây:*

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Do đó, UBND huyện S ban hành Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020, về việc thu hồi 2.383.8m² đất của hộ ông (bà) Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai), thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21, tại xã T, huyện S và xác định loại đất thu hồi là HNK, là đúng quy định pháp luật.

- Mặt khác, tại thời điểm thu hồi đất, ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện hộ gia đình ông Nguyễn P (chết) đứng ra kê khai; đại diện ký vào các Biên bản kiểm kê và căn cứ vào văn bản xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã T xác nhận, nên UBND huyện S chỉ thông báo cho ông Nguyễn Ngọc H biết là đúng quy định.

Trường hợp giữa ông Nguyễn Ngọc H và các đồng thừa kế khác của cụ Nguyễn P có tranh chấp về khoản tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích đất 2.383.8m² đất thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21, tại xã T, huyện S thì có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[1.3] Về vị trí, đơn giá đất: Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Khu thể thao xã T; hộ ông Nguyễn Phúc đ điều kiện bồi thường về đất là 2.383,8m², loại đất BHK (HNK), thuộc vị trí 1, đơn giá bồi thường 42.000đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất 1,0. Do đó, UBND huyện S bồi thường

về đất cho hộ ông Nguyễn P tại Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Do đó, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bồi thường giá đất ở là không có căn cứ.

[1.4]. Về yêu cầu các khoản hỗ trợ:

[1.4.1]. Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Theo quy định tại Điều 84 Luật Đất đai 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ T2 và Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q; mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm bằng 3,0 lần giá đất. Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn P (chết) 2.383,8m², loại đất HNK nên mức hỗ trợ cho phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 2.383,8m² với mức hỗ trợ 126.000đ/m² là đúng quy định.

[1.4.2]. Về hỗ trợ ổn định đời sống: Hộ ông Nguyễn P (chết) bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Theo xác nhận của UBND xã T thì có 05 khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống với mức hỗ trợ 30kg gạo tẻ trong 01 tháng. Theo Công văn số 23/STC-QLGCS ngày 03/01/2020 của Sở Tài chính tỉnh Q về đơn giá gạo tẻ thường bình quân quý I/2020 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất tại huyện S là 10.637đồng/kg. Vì vậy, UBND huyện S hỗ trợ ổn định đời sống cho 05 khẩu với mức 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 10.637đồng/kg là đúng quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và điểm b khoản 2 Điều 22 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn P (chết, con trai Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai) của UBND huyện S tại Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.4.3] Về bồi thường cây cối, hoa màu: Theo Bảng tự kê khai về đất đai, tài sản bị thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc H ngày 11/7/2019; Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại khi thu hồi đất ngày 11/7/2019 do Ban Q quỹ đất huyện S lập, xác định: Trên diện tích 2.383,8m² thuộc thửa đất số 224 của hộ ông Nguyễn P có các loại cây gồm: keo, dừa, xoài, tre gai và cây lấy củi, được UBND huyện S bồi thường cho hộ ông Nguyễn P (chết, con trai Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai) tổng số tiền: 75.085.000 đồng.

- Tuy nhiên, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ về đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 21 xã T ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân

dân tỉnh Quảng Ngãi, xác định: Ngoài tài sản được kiểm kê tại Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại khi thu hồi đất số 03/BBKK ngày 11/7/2019 thì còn một số cây cối chưa được kiểm kê gồm: 01 hồ đất, 01 cây xoài, 03 cây bạch đàn và 01 cây lê.

Xét thấy Ban Q đất huyện S là tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã kiểm kê về tài sản trên đất chưa đầy đủ, chưa đúng thực tế dẫn đến UBND huyện S ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 bồi thường cây cối, hoa màu cho hộ ông Nguyễn P không đúng, gây thiệt hại cho hộ ông Nguyễn P (chết). Do đó, án sơ thẩm chỉ hủy 01 phần Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về nội dung bồi thường cây cối, hoa màu cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai) là có căn cứ.

[1.5]. Về yêu cầu thu hồi hết diện tích đất nông nghiệp còn lại: Hộ ông Nguyễn P bị thu hồi diện tích 2.383,8m², loại đất HNK, diện tích còn lại 188,8m². Tại khoản 1 Điều 12 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q quy định: *“1. Trường hợp diện tích thửa đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của Dự án gây ra mà người sử dụng đất có đơn yêu cầu và được UBND cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận thì tùy theo từng trường hợp cụ thể, UBND cấp huyện xem xét quyết định thu hồi đất, bồi thường theo quy định và giao cho UBND cấp xã quản lý, sử dụng, không được tính bồi thường cho các dự án tiếp theo”*.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì ông Nguyễn Ngọc H không có đơn yêu cầu thu hồi hết diện tích đất còn lại mà chỉ ghi ý kiến tại bảng tự kê khai về đất đai, tài sản bị thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất ngày 11/7/2019: “yêu cầu thu hồi hết thửa đất còn lại vì diện tích còn lại nhỏ hẹp” nên UBND huyện S chưa có cơ sở xem xét giải quyết là đúng pháp luật.

[1.6]. Về cấp đất tái định cư: Do hộ ông Nguyễn P bị thu hồi 2.383,8m², loại đất HNK nên không đủ điều kiện để được Nhà nước bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, nên ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được cấp đất tái định cư là không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên, xét thấy án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T về hủy Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và hủy một phần Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai), về phần bồi thường, hỗ trợ về đất số tiền 400.478.400 đồng và các khoản hỗ trợ số tiền 19.146.600 đồng kèm theo Phiếu áp giá chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T đối với hộ ông Nguyễn P tại mục A phần đất đai và mục C các khoản hỗ trợ là có căn cứ.

Ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 11, các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 74, 75, 77 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.; Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T:

- Hủy một phần Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai); thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T, cụ thể: hủy phần bồi thường về cây cối, hoa màu số tiền 75.085.000 đồng kèm theo Phiếu áp giá chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T đối với hộ ông Nguyễn P tại mục B phần cây cối, hoa màu.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Khu thể thao xã T; hủy một phần Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà): Nguyễn P (chết, con trai là Nguyễn Ngọc H đại diện kê khai); thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T, về phần bồi thường, hỗ trợ về đất số tiền 400.478.400 đồng và các khoản hỗ trợ số tiền 19.146.600 đồng kèm theo Phiếu áp giá chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu thể thao xã T đối với hộ ông Nguyễn P tại mục A phần đất đai và mục C các khoản hỗ trợ.

2. Các quyết định khác về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí hành chính sơ thẩm được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2022/HC-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc D mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; đã nộp đủ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004989, 0004990 và 0004991 ngày 30/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (do bà Nguyễn Thị Như P1 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ GDKT III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào